

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
GHI TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN MÔN HỌC

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Đồ án đầu thầu		
Mã học phần:	DQX0071	Số tín chỉ:	01
Mã nhóm lớp học phần:	242_DQX0071_01		
Hình thức thi: Bảo vệ báo cáo (vấn đáp có báo cáo)	Thời gian làm bài:	01	ngày
☒ GV giao đề bài trong thời gian giảng dạy lớp học phần	☐ TT. Khảo thí thiết lập và giao đề bài trên hệ thống thi CTE theo lịch thi Phòng Đào tạo công bố		
☒ Cá nhân	☐ Nhóm	Số SV/nhóm:	
Quy cách đặt tên file	Mã SV_Ho và ten SV_Do an dau thau K26QLXD		

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 24/03/2025.**

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TIEUL_De 1

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn đánh giá trong việc lập hồ sơ mời thầu, lập hồ sơ dự thầu.	Trình bày đề án, bảo vệ đề án	25%	Dựa trên đề án trình bày và trả lời các câu hỏi thực tế của GV	2,5	PLO2_I PLO3_I PLO4_R PLO5_I
CLO2	Thực hiện thành thạo quy trình, phương pháp trong việc lập hồ sơ mời thầu.	Trình bày đề án, bảo vệ đề án	25%		2,5	PLO6_I PLO7_R PLO9_I PLO10_I
CLO3	Thực hiện thành thạo quy trình, phương pháp trong việc lập hồ sơ dự thầu.	Trình bày đề án, bảo vệ đề án	25%		2,5	PLO6_I PLO7_R PLO9_I PLO10_I
CLO4	Vận dụng thành thạo kỹ năng tư duy làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và giải quyết các vấn đề liên quan trong hoạt động đấu thầu một cách hiệu quả.	Trình bày đề án, bảo vệ đề án	25%		2,5	PLO8_I

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Đề án thiết kế với đề tài là Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu gói thầu thi công xây lắp các công trình biệt thự, nhà liên kế, văn phòng, ... có tối thiểu 5 tầng; với quy mô công trình vừa phải và kết cấu đơn giản.

Nội dung đề án gồm 2 phần:

Phần A: Lập hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây lắp

Phần B: Lập hồ sơ dự thầu gói thầu thi công xây lắp

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

Mẫu 1: TRANG BÌA THUYẾT MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

KHOA

(BOLD, size 14)



Kích thước: 3x4.5 cm

ĐỒ ÁN ĐẦU THẦU

(BOLD, size 22)

TÊN ĐỀ TÀI

(BOLD, size 22)

GVHD:

SVTH:

MSSV:

(BOLD, size 14)

Thành Phố Hồ Chí Minh, năm ... (size 14)

MỤC LỤC (Trang 2)

(font chữ 13, times new roman, dẫn đều dòng, canh lề trái 3cm, trên 3cm, dưới 2cm, phải 2cm, ví dụ bên dưới)

Trang bìa	Trang 00
Phần A: Hồ sơ mời thầu gói thầu “Thi công xây dựng....”	01
Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU.....	02
Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu	03
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu.....	26
Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.....	
Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.....	
Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT.....	
Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.....	
Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	
Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng.....	
Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.....	
Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.....	
Phần B: Hồ sơ dự thầu gói thầu “Thi công xây dựng....”	
I. Đơn dự thầu	
II. Bảo lãnh dự thầu.....	
III. Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.....	
IV. Đề xuất kỹ thuật.....	
V. Đề xuất tài chính.....	
.....	
.....	

NỘI DUNG ĐỒ ÁN (Trang 3 trở đi)

ĐỒ ÁN ĐẦU THẦU

GVHD:

PHẦN A: HỒ SƠ MỜI THẦU

(font chữ 13, times new roman, dẫn đầu dòng, canh lề trái 3cm, trên 3cm, dưới 2cm, phải 2cm, có header và footer như hướng dẫn. Phần này tập trung vào lập các nội dung của hồ sơ mời thầu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (Mẫu 3A – Hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ - Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Xem ví dụ bên dưới)

Ví dụ:

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đầu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT. Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này cung cấp các thông tin về thông số kỹ thuật, bản vẽ, thông tin bổ sung mô tả công trình được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được cố

định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

PHẦN B: HỒ SƠ DỰ THẦU

(font chữ 13, times new roman, dẫn đầu dòng, canh lề trái 3cm, trên 3cm, dưới 2cm, phải 2cm, có header và footer như hướng dẫn. Phần này tập trung vào lập các nội dung của hồ sơ dự thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Xem ví dụ bên dưới)

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (*trên Hệ thống*):

Tên nhà thầu:

Tên gói thầu (*theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống*):

Phát hành ngày (*theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống*):

I. ĐƠN DỰ THẦU**Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)****ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Tên gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Kính gửi: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

.....

II. BẢO LÃNH DỰ THẦU**Mẫu số 04A (Scan đính kèm)****BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL*]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** ____ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

Bên bảo lãnh: ____ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT*].

.....

III. HỒ SƠ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

3.1. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Mẫu số 05 (Webform trên Hệ thống)

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III ⁽²⁾			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>		

3.2. Đề xuất nhân sự

Mẫu số 06A (webform trên Hệ thống)

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	[nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2	.	
...		

Mẫu số 06B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

3.3. kê khai thiết bị thi công chủ yếu

Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU

STT	Thông tin thiết bị								Hiện trạng		
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Số đăng ký/dăng kiểm (nếu có)	Địa điểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)
1											
2											
...											

3.4. Tình hình tài chính của nhà thầu

Mẫu số 08A (Webform trên Hệ thống)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			

Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Mẫu số 08B (Webform trên Hệ thống)

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH ⁽¹⁾

Nguồn lực tài chính của nhà thầu		
STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
4		
5		
...		
Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)		

IV. ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT

4.1. Kỹ thuật thi công phạm ngầm

4.1.1. Tiêu chuẩn kỹ thuật

- TCVN 9360:2012 Quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học;
- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình;

4.1.2. Thi công cọc Bê tông cốt thép/ Cọc khoan nhồi/...

4.1.2.1. Lựa chọn phương án thi công ép cọc

Để thi công ép cọc bê tông hiện này có 2 phương pháp thi công là ép cọc trước và ép cọc sau.

- Phương pháp ép cọc sau khi đã thi công được một phần công trình, nhược điểm của phương pháp này:

4.1.2.2. Chuẩn bị mặt bằng và lựa chọn máy móc

4.1.2.3. Tính toán lựa chọn máy thi công cọc

4.1.3. Thi công đào đất

4.1.3.1. Phương án và biện pháp đào đất

Khi thi công đào đất có 2 phương án: Đào bằng thủ công và đào bằng máy.....

4.1.3.2. Tính toán, lựa chọn máy phục vụ thi công đào đất

4.1.4. Thi công.....

4.2. Thi công móng:

4.2.1. Định vị đài cọc và phá bê tông đầu cọc

4.....4. An toàn lao động và vệ sinh môi trường

4.....n. Tiến độ thi công

Mẫu số 10 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do Nhà thầu đề xuất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

V. ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH

Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
						(Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
I.1	Hạng mục 1					A1
1	...					
2	...					
I.2	Hạng mục 2					A2
1	...					
2	...					
..	...					...
II	Chi phí dự phòng					
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh ^(*)		b1%			B1 = b1% x A
2	Chi phí công nhật					Y1
3	Chi phí cho các khoản tạm tính khác					Y2
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B1+Y1+Y2

BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ CHI TIẾT**BẢNG TỔNG HỢP ĐƠN GIÁ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG, MÁY THI CÔNG**

.....

3. Rubric và thang điểm

Rubric 4: Bảo vệ Đồ án

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt Từ 8 – 10đ	Khá Từ 6,5 – dưới 8	Trung bình Từ 4- dưới 6,5	Yếu Từ 2,5 – dưới 4	Kém Dưới 2,5
Khối lượng thực hiện theo tiến độ	40%	Theo kịp và vượt tiến độ về khối lượng	Theo kịp tiến độ, đôi chỗ chậm do phải chỉnh sửa	Còn chậm trễ về tiến độ	Chậm trễ nhiều	Hầu như không thể theo kịp tiến độ
Chất lượng thực hiện	40%	Chất lượng tốt, hầu như không phải sửa chữa.	Chất lượng khá, có đôi chỗ phải chỉnh sửa	Chất lượng trung bình, còn phải chỉnh sửa	Nhiều chỗ phải chỉnh sửa lại	Cần làm lại hoàn toàn
Thái độ tham gia duyệt bài, hiểu biết nội dung	20%	Nắm bắt, am hiểu tốt về nội dung thực hiện	Nắm bắt được nội dung thực hiện	Còn có chỗ không nắm bắt được nội dung thực hiện	Hiểu biết không chắc chắn về nội dung bài làm	Không có hiểu biết gì về bài làm

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Giảng viên ra đề



Phạm Thị Tình Thương